

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 36/2019/DS-ST

Ngày: 12 – 8 – 2019

“V/v: tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành.

2. Bà Trần Ánh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 28/01/2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-DS ngày 15/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-DS ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Th (Th);

Địa chỉ trụ sở: Số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Th kiêm Phó Giám đốc Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ (theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018);

Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn S - Chuyên viên XLN KHCN - Th AMC (theo văn bản ủy quyền số 35866/2018/UQ-HĐQT ngày 15/12/2018) (ông S có mặt);

Địa chỉ: Tầng 02, số 96 đường C, Phường 4, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

1. Ông Phạm Minh N, sinh năm: 1963 (có mặt);

2. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2018 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Th (gọi tắt là Th) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP Th Th Chi nhánh Sài Gòn có cho ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T vay vốn với nội dung cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số: LN1708110148941/SGN/HĐTD ký ngày 21/8/2017, giải ngân theo khế ước nhận nợ lần: 01/số: LN1708110148941/SGN/HĐTD ngày 21/8/2017; số tiền vay: 559.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng); mục đích vay: Mua xe CHEVROLET, mới 100%; thời hạn vay 83 tháng (từ ngày 21/8/2017 đến ngày 21/7/2024); lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.4%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng 01 lần.

Quá trình vay thì ông N và bà T trả được 10 kỳ với số tiền vốn là 67.350.000 đồng, số tiền lãi là 51.273.143 đồng. Đến ngày 10/7/2018 thì ngưng trả lãi và vốn cho đến nay. Hiện nay dự nợ thực tế tính đến ngày 12/8/2019, nợ gốc 491.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 108.160.322 đồng.

Do ông N và bà T không tiếp tục trả vốn và lãi suất cho Ngân hàng Th theo thỏa thuận, cho đến nay đã quá thời hạn nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Th khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông N và bà T trả cho Ngân hàng Th số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 12/8/2019 là 599.810.322 đồng và ông N, bà T còn phải thanh toán cho Ngân hàng Th tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 12/8/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Về tài sản bảo đảm: Ông N và bà T có thể chấp cho Ngân hàng tài sản là 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CRUZE, số máy: 8D4170230026, số khung: 695EHH943466, biển kiểm soát: 62A-077.29. Trường hợp ông N và bà T không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật để cho ông N và bà T biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng ông N chỉ tham gia phiên tòa và đồng ý còn nợ số tiền như Ngân hàng yêu cầu, ông xin Ngân hàng giảm tiền lãi. Riêng bà T không nộp văn bản nêu ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Th là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Th khởi kiện ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T là vụ kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chứng cứ Ngân hàng Th cung cấp cho Tòa án là hợp đồng cho vay số: LN1708110148941/SGN/HĐTD ký ngày 21/8/2017, khế ước nhận nợ lần: 01/số: LN1708110148941/SGN/HĐTD ngày 21/8/2017; hợp đồng thế chấp ô tô số: LN1708110148941/SGN/HĐTC ký ngày 21/8/2017 trong đó đều có chữ ký tên của ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T và Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2019, thì ông N và bà T xác nhận nội dung khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận đây là sự việc có thật do các bên thừa nhận mà không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Bị đơn ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật để cho ông N và bà T biết thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng ông N chỉ tham gia phiên tòa còn bà T không tham gia phiên tòa nhưng khai nhận sự việc là đúng.

[3.3] Căn cứ vào các Điều 292, 293, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Th đối với ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T là có căn cứ, nên được chấp nhận. Buộc ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Th số tiền vốn vay là 491.650.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/8/2019 là 108.160.322 đồng, tổng cộng: 599.810.322 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông N, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (số: LN1708110148941/SGN/HĐTD ký ngày 21/8/2017) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3.4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ các Điều 299, 317, 323 Bộ luật dân sự năm 2015 và Hợp đồng thế chấp ô tô số: LN1708110148941/SGN/HĐTC ký ngày 21/8/2017. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân

sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CRUZE, số máy: 8D4170230026, số khung: 695EHH943466, biển kiểm soát: 62A-077.29 trong trường hợp ông N và bà T không có khả năng trả nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 292, 293, 299, 317, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Th đối với bị đơn ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[2]. Buộc ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Th số tiền vốn vay là 491.650.000 đồng, số tiền lãi là 108.160.322 đồng, tổng cộng: 599.810.322 đồng.

[3] Kể từ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/8/2019) ông N, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (số: LN1708110148941/SGN/HĐTD ký ngày 21/8/2017) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Th được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CRUZE, số máy: 8D4170230026, số khung: 695EHH943466, biển kiểm soát: 62A-077.29 để thu hồi nợ.

[5] Về án phí: Buộc ông Phạm Minh N và bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước số tiền là 27.992.400 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Th số tiền là 12.490.000 đồng,

theo biên lai thu án phí số 0000807 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Lộc